

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC - KHÓA K61

Ban hành kèm theo quyết định số 1630/QĐ-ĐHTL ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			47									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3	3								
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2		2							
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2			2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2				2					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2					2				
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COPS111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			25									
8	Tin học văn phòng	Microsoft Office	MO111	Tin học và kỹ thuật tính toán	3	3								
9	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
10	Hóa đại cương	General Chemistry	CHEM112	Hóa cơ sở	3	3								
11	Thí nghiệm hóa đại cương	General Chemistry Laboratory	LCHEM112	Hóa cơ sở	1		1							
12	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
13	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH232	Toán học	2		2							
14	Vật lý I	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3		3							
15	Vật lý II	Physics 2	PHYS223	Vật lý	3			3						
16	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
17	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH253	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
18	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
19	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	4*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			99									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			24									
20	Nhập môn Kỹ thuật tài nguyên nước	Introduction to Water Resources Engineering	IWRE212	Kỹ thuật tài nguyên nước	2		2							
21	Cơ học cơ sở I	Engineering Mechanics 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3			3						
22	Đồ họa kỹ thuật I	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
23	Đồ họa kỹ thuật II	Technical Graphics 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
24	Cơ học cơ sở II	Engineering Mechanics 2	MECH224	Cơ học kỹ thuật	3				3					
25	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3				3					
26	Sức bền vật liệu I	Strength of Materials 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
27	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
28	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1					1				
29	Cơ học kết cấu I	Mechanics of Engineering Structures 1	CE315	Sức bền - Kết cấu	3					3				
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			22									
30	Thủy văn công trình	Engineering Hydrology	HYDR346	Thủy văn và tài nguyên nước	3				3					
31	Khoa học đất	Soil Science	SSC214	Kỹ thuật và quản lý tưới	2					2				
32	Thực tập khoa học đất	Field Trip and Lab on Soil Science	SSC224	Kỹ thuật và quản lý tưới	1					1				
33	Thủy lực công trình	Hydraulics Engineering	HYDR325	Thủy lực	3					3				
34	Địa kỹ thuật	Geotechnical Engineering	CE355	Địa kỹ thuật	4					4				
35	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3					3				
36	Thực tập hướng nghiệp ngành kỹ thuật tài nguyên nước	Internship for Water Resources Engineering Profession	IWRE316	Kỹ thuật tài nguyên nước	1						1			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
15	Đồ án công trình trên hệ thống thủy lợi	Project of Structures in Hydraulic Systems	CEHS428	Thủy công	1								1	
16	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật tài nguyên nước	Applied IT in Water Resources Engineering	AIT418	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
17	Quản lý tưới hiện đại	Modern Irrigation Management	MIM437	Kỹ thuật và quản lý tưới	2								2	
18	Quan trắc và quản lý chất lượng nước tưới	Irrigation Water Sampling and Monitoring	IWS427	Kỹ thuật và quản lý tưới	2								2	
19	Quản lý dự án	Project management	PJM418	Quản lý xây dựng	2								2	
20	Đo nước và điều tiết nước trong hệ thống thủy lợi	Water measurement and control in water resources system	WMCS317	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
21	Quản lý hệ thống tưới tiêu theo thời gian thực	Real time management for irrigation and drainage system	RTMS418	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
	Tổng cộng (I + II)	Total			146	14	14	19	19	19	17	18	17	7